

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/4/2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hải;

Ông Lê Vĩnh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/03/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; NĐKKHTT: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 1997; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; hiện đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thúy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị ngày 11/12/2015.

Thời gian đầu mới kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên sống ly thân. Đến năm 2023, chị N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến nay, vợ

chồng không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Lê Thị Thúy N.

- Về con chung: anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Thúy N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 22/11/2016 và cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 18/02/2019. Anh Nguyễn Văn H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và giao cháu D1 cho chị N và ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 308/PA08-D1 ngày 01/3/2024, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q xác nhận: Chị Lê Thị Thúy N đã xuất cảnh ngày 24/9/2023 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến cho chị Lê Thị Thúy N thông qua mẹ đẻ của chị N là bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2024, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Hiện chị Lê Thị Thúy N đã đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản và thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội, nhưng địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài thì bà H1 không biết. Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị N biết việc anh H có đơn xin ly hôn, đang được TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết. Chị N có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N đồng ý ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 22/11/2016 và cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 18/02/2019. Nếu ly hôn, chị N đồng ý giao cháu D cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1. Nếu Tòa án giao cháu D1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì chị N đồng ý để ông H2 và bà H1 (là bố mẹ đẻ của chị N) chăm sóc cháu D1 trong thời gian chị N chưa nhập cảnh về Việt Nam.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 22/3/2024, cháu Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Cháu đang học lớp 2 tại Trường tiểu học S. Hiện

cháu đang sống cùng bố và được bố chăm sóc rất tốt. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử:

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Lê Thị Thúy N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 22/11/2016 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 18/02/2019 cho ông bà ngoại chăm sóc cho đến khi chị N về nước.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Lê Thị Thúy N. Theo Công văn số 308/PA08-Đ1 ngày 01/3/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q xác nhận: Chị Lê Thị Thúy N đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 24/9/2023, đến nay vẫn chưa nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, vụ án có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, anh **H** và người thân của chị **N** không cung cấp được địa chỉ nơi chị **N** đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, chị **N** vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội. Chị **N** đã được người thân thông báo về việc TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết vụ án anh **H** khởi kiện xin ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt kế hoạch giải quyết vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến cho chị **N** thông qua bà **Nguyễn Thị H1** là mẹ đẻ của chị **N**. Bà **H1** đã nhận và cam đoan thông báo lại cho chị **N** nhưng chị **N** không đến Tòa án để giải quyết việc anh **H** có yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn H** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị **Lê Thị Thúy N** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H1** được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Lê Thị Thúy N** kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện G** ngày 11/12/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình..

Xét yêu cầu của anh **Nguyễn Văn H** xin được ly hôn chị **Lê Thị Thúy N**, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu mới kết hôn, anh **H** và chị **N** chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Kế hoạch giải quyết vụ án và thông báo cho chị **N** biết để sắp xếp công việc, tham gia tố tụng nhưng chị **N** không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ chị **N** không mong muốn để vợ chồng đoàn tụ. Thông qua mẹ đẻ của mình, chị **N** cũng đồng ý ly hôn anh **H**. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh **H** và chị **N** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh **Nguyễn Văn H** được ly hôn chị **Lê Thị Thúy N** theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Lê Thị Thúy N** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh ngày 22/11/2016 và cháu **Nguyễn Văn D1**, sinh ngày 18/02/2019. Anh **Nguyễn Văn H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D**; giao cháu **D1** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái là của bố mẹ. Hiện nay, anh **Nguyễn Văn H** đang ở Việt Nam, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con nên cần giao cháu **Nguyễn Thị Mỹ D** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **D**, thể hiện tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 22/3/2024. Cháu **D1** hiện đang được ông **H2** và bà **H1** (là bố mẹ đẻ của chị **N**) trực tiếp chăm sóc và chị **N** có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D1**. Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2024, ông **H2** và bà **H1** đồng ý nhận chăm sóc cháu **D1** trong thời gian chị **N** chưa nhập cảnh về lại Việt Nam. Vì vậy, cần giao cháu **D1** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 104, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Lê Thị Thúy N.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 22/11/2016 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Giao cháu Nguyễn Văn D1, sinh ngày 18/02/2019 cho chị Lê Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; trong thời gian chị N chưa nhập cảnh về Việt Nam cháu D1 sẽ do bà Nguyễn Thị H1 (mẹ chị N) chăm sóc.

- Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000054 ngày 05/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh H đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Trung Hải, Gio Linh;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Trung